BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024 ĐỢT 2
Đối tượng Chuyên khoa cấp II

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm thi môn Ngoại ngữ	Điểm thi môn chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm
1	92240002	Phan Thị Thanh	Bình	Nữ	03/10/1987	Hà Sơn Bình	Nội khoa	M	8,20	1,00	**9,20**
2	92240001	Lương Bảo	Chung	Nam	01/11/1986	Sơn La	Nội khoa	M	8,20	1,00	**9,20**
3	92240003	Lê Thu	Hằng	Nữ	26/08/1985	Thanh Hóa	Nội khoa	7,80	7,80		**15,60**
4	92240004	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	17/01/1988	Hải Dương	Nội khoa	9,00	8,40		**17,40**
5	92240008	Nguyễn Kiên	Sơn	Nam	05/02/1987	Hà Tĩnh	Nội khoa	8,80	7,60		**16,40**
6	92240005	Thái	Thọ	Nam	28/06/1979	Hà Tĩnh	Nội khoa	M	7,20		**7,20**
7	92240006	Cao Đức	Trung	Nam	15/10/1981	Thanh Hóa	Nội khoa	M	6,00	1,00	**7,00**
8	92240007	Quách Anh	Tuấn	Nam	01/06/1986	Thanh Hóa	Nội khoa	8,80	7,60		**16,40**
9	92240037	Đào Thúy	Đạt	Nam	18/04/1988	Hưng Yên	Nhi khoa	M	7,80		**7,80**
10	92240036	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	18/06/1986	Nghệ An	Nhi khoa	9,00	8,40		**17,40**
11	92240040	Nguyễn Hồng	Trang	Nữ	19/02/1992	Nam Định	Nhi khoa	9,00	7,80		**16,80**
12	92240042	Hoàng Thị	Vân	Nữ	21/06/1989	Hải Dương	Nhi khoa	8,60	8,60		**17,20**
13	92240044	Đào Duy	Hùng	Nam	20/08/1980	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	M	5		**5,00**
14	92240046	Nguyễn Văn	Long	Nam	07/06/1983	Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh	M	10		**10,00**
15	92240047	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	Nữ	20/10/1985	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	M	6,2		**6,20**
16	92240048	Trần Đình	Tiến	Nam	26/03/1986	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	9,4	5,4		**14,80**
17	92240049	Trần Văn	Tuấn	Nam	17/08/1993	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	M	5,2		**5,20**
18	92240010	Lê Trọng	Đức	Nam	12/02/1984	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	M	8,80		**8,80**
19	92240009	Quàng Văn	Dũng	Nam	28/08/1976	Sơn La	Ngoại khoa	M	8,20	1,00	**9,20**
20	92240011	Nguyễn Minh	Hải	Nam	01/02/1984	Hải Phòng	Ngoại khoa	M	9,00		**9,00**
21	92240012	Nguyễn Quang	Hiếu	Nam	31/07/1979	Hải Phòng	Ngoại khoa	7,00	9,00		**16,00**
22	92240013	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	13/03/1978	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	9,20	9,20		**18,40**

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm thi môn Ngoại ngữ	Điểm thi môn chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm
23	92240016	Nguyễn Sỹ	Hữu	Nam	12/08/1991	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	9,20	9,00		**18,20**
24	92240014	Nguyễn Văn	Huy	Nam	12/06/1990	Hải Phòng	Ngoại khoa	M	8,00		**8,00**
25	92240015	Nguyễn Doãn	Huỳnh	Nam	02/02/1989	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	9,20	9,20		**18,40**
26	92240017	Nguyễn Minh	Khuê	Nam	29/09/1987	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	9,20	9,20		**18,40**
27	92240018	Phạm Hải	Linh	Nam	24/02/1990	Hải Phòng	Ngoại khoa	9,60	9,00		**18,60**
28	92240019	Nguyễn Đình	Tài	Nam	20/07/1987	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	9,20	9,00		**18,20**
29	92240020	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	19/09/1974	Sơn La	Ngoại khoa	M	8,60	1,00	**9,60**
30	92240021	Từ Đăng	Trường	Nam	16/06/1982	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	8,20	8,40		**16,60**
31	92240022	Phan Duy	Đán	Nam	18/07/1990	Hà Tĩnh	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	7,20	8,40		**15,60**
32	92240023	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	10/08/1985	Hà Tĩnh	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	M	9,00		**9,00**
33	92240024	Lương Đức	Hà	Nam	15/07/1985	Bắc Giang	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	M	8,40	1,00	**9,40**
34	92240025	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	17/01/1990	Hà Tĩnh	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	M	8,80		**8,80**
35	92240026	Nguyễn Thanh	Long	Nam	01/05/1989	Hà Tĩnh	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	9,20	9,00		**18,20**
36	92240027	Vũ Đức	Tâm	Nam	12/07/1979	Nam Định	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	8,40	8,20		**16,60**
37	92240055	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	15/06/1984	Hưng Yên	Quản lý y tế	7,00	7,40		**14,40**
38	92240056	Nguyễn Xuân	Quảng	Nam	01/01/1983	Hải Dương	Quản lý y tế	8,80	7,20		**16,00**
39	92240057	Nguyễn Văn	Thái	Nam	10/07/1981	Hà Nội	Quản lý y tế	9,20	8,20		**17,40**
40	92240059	Nguyễn Hồng	Thắng	Nam	05/08/1974	Thái Bình	Quản lý y tế	9,40	9,20		**18,60**
41	92240058	Trần Thị Bích	Thanh	Nữ	18/11/1975	Hải Dương	Quản lý y tế	9,40	8,80		**18,20**
42	92240050	Vũ Văn	Đông	Nam	16/11/1980	Bắc Ninh	Răng Hàm Mặt	8,80	6,20		**15,00**
43	92240051	Mai Xuân	Trường	Nam	01/04/1972	Hà Nội	Răng Hàm Mặt	8,00	6,00		**14,00**
44	92240029	Dương Ngọc	Hưng	Nam	23/08/1994	Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa	M	8,20		**8,20**
45	92240030	Vương Thị	Lan	Nữ	14/04/1989	Hà Giang	Sản phụ khoa	M	7,40	1,00	**8,40**

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Điểm thi môn Ngoại ngữ	Điểm thi môn chuyên ngành	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm
46	92240031	Phan Thị	Loan	Nữ	12/01/1991	Nghệ An	Sản phụ khoa	M	7,20		**7,20**
47	92240032	Phạm Văn	Phan	Nam	22/12/1985	Hải Dương	Sản phụ khoa	M	8,00		**8,00**
48	92240033	Ngô Thị	Thanh	Nữ	03/04/1986	Nghệ An	Sản phụ khoa	M	7,60		**7,60**
49	92240034	Nguyễn Thị Khánh	Trâm	Nữ	22/12/1982	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa	M	7,40		**7,40**
50	92240035	Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	04/12/1989	Hà Giang	Sản phụ khoa	M	6,60	1,00	**7,60**
51	92240052	Nguyễn Hữu	Biên	Nam	12/02/1966	Hải Dương	Tâm thần	6,20	9,20		**15,40**
52	92240053	Vũ Minh	Hạnh	Nam	01/06/1977	Thái Bình	Tâm thần	8,80	9,60		**18,40**
53	92240054	Nguyễn Văn	Lũy	Nam	12/05/1973	Hải Dương	Tâm thần	8,80	9,60		**18,40**
54	92240060	Đào Văn	Đây	Nam	22/11/1977	Hải Phòng	Y học cổ truyền	7,40	8,40		**15,80**
55	92240061	Đoàn Thị	Hòa	Nữ	24/10/1982	Hải Dương	Y học cổ truyền	7,60	8,00		**15,60**

Hải Phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải